

Số: **3728** /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày **30** tháng **9** năm 2024

## **BÁO CÁO**

**Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, căn cứ vào các ý kiến góp ý và rà soát các nội dung liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị chỉnh sửa tên dự thảo thành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành cập nhật, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Kết quả rà soát như sau:

### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

#### **1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định là đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

#### **2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

- Về phạm vi, đối tượng rà soát: gồm toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung rà soát: đối chiếu các quy định tại dự thảo Nghị định với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đảm bảo tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật.

## II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

### 1. Kết quả chung

Qua rà soát đã xác định được có 19 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau: Hiến pháp, 10 luật và 08 Nghị định. Cụ thể:

#### 1.1. Hiến pháp 2013

#### 1.2. Luật của Quốc hội:

- (1) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- (2) Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- (3) Luật Thương mại;
- (4) Luật An toàn thực phẩm;
- (5) Luật Trồng trọt;
- (6) Luật Thú y;
- (7) Luật Dược;
- (8) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- (9) Luật Thủy sản;
- (10) Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

#### 1.3. Nghị định:

- (1) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- (2) Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;
- (3) Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;
- (4) Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- (5) Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm và Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

(6) Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

(7) Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

(8) Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## **2. Kết quả cụ thể**

**2.1.** Chính sửa, bổ sung quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP theo các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (giảm tài liệu phải nộp trong hồ sơ đăng ký) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 và phù hợp với tình hình triển khai thực tế, nâng cao trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp; không mâu thuẫn, xung đột, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các luật có liên quan, phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Thương mại; Luật An toàn thực phẩm; Luật Trồng trọt; Luật Thú y; Luật Dược; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật Thủy sản; Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Nghị định số 44/2016/NĐ-CP; Nghị định số 62/2016/NĐ-CP.

**2.2.** Bổ sung quy định đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam

Hiện nay, trong Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP quy định không được yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp tiến hành thử nghiệm hoặc chứng nhận sản phẩm hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp tiến hành kiểm định phải đặt tại lãnh thổ của mình; không được đưa ra yêu cầu bắt buộc các tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm ngoài lãnh thổ phải mở văn phòng hoạt động trên lãnh thổ của Bên đó; phải cho phép các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong các lãnh thổ của các Bên khác nộp hồ sơ để xác nhận rằng họ đã tuân thủ theo các quy trình, tiêu chí và những điều kiện khác mà Bên đó yêu cầu để chấp nhận năng lực của các tổ chức này hoặc để cho phép họ tiến hành thử nghiệm hoặc chứng nhận sản phẩm hoặc tiến hành kiểm định.

Theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, tổ chức chứng nhận nước ngoài phải thành lập Chi nhánh tại Việt Nam và thực hiện đăng ký theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP chưa quy định cụ thể đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam.

Điểm c khoản 5 Điều 25 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã quy định *tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền*. Việc đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp hiện nay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP,

Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

Như vậy, nội dung kiến nghị bổ sung này là nội dung mới so với quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và khoản 3 Điều 4 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: *“Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”*.

Do đó, theo Bộ Khoa học và Công nghệ việc bổ sung nội dung này là phù hợp với thông lệ quốc tế, không mâu thuẫn với các cam kết tại CPTPP, EVFTA, RCEP; không làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của công dân, phù hợp với Hiến pháp 2013 và không trái với quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**2.3.** Bổ sung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận là phù hợp với thông lệ quốc tế về đánh giá sự phù hợp và đáp ứng triển khai định hướng, mục tiêu của Chính phủ về đẩy mạnh công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính nhằm thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính. Tuy nhiên, nội dung này là nội dung mới so với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Đối với những vấn đề này, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung này trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Bộ Khoa học và Công nghệ đã có ý kiến đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung này tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP để đảm bảo theo thông lệ quốc tế và thống nhất Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

**2.4.** Bổ sung quy định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp theo đề nghị của tổ chức đánh giá sự phù hợp không gây mâu thuẫn, chông chéo với các quy phạm pháp luật khác, đồng thời phù hợp với thực tế triển khai. Do, trong thời gian vừa qua, một số tổ chức đánh giá sự phù hợp vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật, không vi phạm quy định nhưng do thay đổi về mục đích hoạt động nên đã có đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp. Tuy nhiên, do Nghị định 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP chưa quy định đối với trường hợp này nên khó khăn cho cơ quan quản lý và tổ chức đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đã được cấp.

**2.5.** Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ đăng ký chỉ định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP trong trường hợp nộp hồ sơ chỉ định cùng với hồ sơ đăng ký để đảm bảo thống nhất giữa quy định pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**2.6.** Thay thế, bãi bỏ một số điều, cụm từ, biểu mẫu tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số



74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP đề phù hợp với Nghị định số 28/2023/NĐ-CP, không mâu thuẫn, xung đột, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các luật có liên quan.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ thấy các nội quy định dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thống nhất, đồng bộ, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (*chi tiết trong phụ lục kèm theo*). *lxl*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lưu: VT, TĐC.



**KT BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Lê Xuân Định**

Phụ lục

VĂN BẢN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÀI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA



NHÓM VĂN ĐỀ (nếu có)	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
<p>1. Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ (giảm tài liệu phải nộp trong hồ sơ đăng ký) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 và phù hợp với tình hình triển khai thực tế đối với hoạt động thử nghiệm</p>	<p><b>Khoản 3, 4, 5 Điều 1 dự thảo Nghị định</b></p> <p>3. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 5 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP như sau:</p> <p>“4. Có máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với lĩnh vực hoạt động thử nghiệm tương ứng.”.</p> <p>4. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:</p> <p>“d) Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;”.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công</li> </ul>	<p><b>I. Luật Trồng trọt quy định:</b></p> <p>Điều 40. Điều kiện công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón</p> <p>1. Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>b) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>c) Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón.</p> <p>Nghị định 84/2019/NĐ-CP quy định:</p>	<p>Phù hợp</p>

	<p>nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.</p> <p>- Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>- Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với thử nghiệm chuyên ngành theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.</p>	<p><b>Điều 9. Số lượng nhân lực tối thiểu thực hiện khảo nghiệm của tổ chức khảo nghiệm phân bón</b></p> <p>Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, trong đó ngoài người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có tối thiểu 05 nhân lực chính thức thực hiện khảo nghiệm (viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn tối thiểu 12 tháng).</p>	
		<p><b>II. Luật Chăn nuôi quy định</b></p> <p><b>Điều 27. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi</b></p> <p>Cơ sở khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật này;</li> <li>2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi tương ứng;</li> <li>3. Có nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học;</li> <li>4. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp.</li> </ol> <p><b>Điều 28. Kiểm định dòng, giống vật nuôi</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm định dòng, giống vật nuôi là việc đánh giá và xác nhận lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh của dòng, giống vật nuôi sau khi đưa ra sản xuất.</li> <li>2. Việc kiểm định dòng, giống vật nuôi được thực hiện trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Có khiếu nại tố cáo về chất lượng dòng, giống vật nuôi;</li> <li>b) Có yêu cầu trưng cầu, giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>c) Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ol> </li> <li>3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố cơ sở khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi được thực hiện kiểm</li> </ol>	Phù hợp



định dòng, giống vật nuôi.

**Điều 37. Khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi**

3. Cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Các điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật này;
- b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn chăn nuôi;
- c) Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch.

**Điều 55. Chăn nuôi trang trại**

1. Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật này;
- b) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;
- c) Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- d) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;
- đ) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;
- e) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

		<p><b>III. Luật Thủy sản quy định</b></p> <p>Điều 28. Khảo nghiệm giống thủy sản</p> <p>2. Cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có ít nhất hai nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;</p> <p>b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.</p> <p><b>Điều 35. Khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản</b></p> <p>2. Cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;</p> <p>b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.</p>	Phù hợp
		<p><b>IV. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định</b></p> <p>Điều 59. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>1. Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Người đứng đầu tổ chức phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học và có giấy chứng nhận tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;</p>	Phù hợp

- b) Người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;
- c) Có cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm cho công tác khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;
- d) Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc được ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

**V. Nghị định số 66/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 123/2018/NĐ-CP**

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.
2. Người lao động có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.
3. Có phương tiện, thiết bị quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
4. Đối với tổ chức khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật phải có phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa.”

		<p><b>VI. Luật Thú y</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 101, Điều 88 Luật Thú y;</li> <li>- Điều 19, 20 Nghị định 35/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 2 Nghị định 123/2018/NĐ-CP</li> </ul> <p><b>1. Điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm thuốc thú y</b></p> <p>1. Có địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm phải tách biệt đảm bảo an toàn với khu dân cư, công trình công cộng.</li> <li>- Có phòng xét nghiệm bảo đảm an toàn sinh học khi làm việc với vi sinh vật hoặc các sản phẩm có khả năng chứa vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người và động vật theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Có phòng riêng để phân tích các chỉ tiêu lý hóa.</li> <li>- Được trang bị máy móc, dụng cụ bảo đảm cho việc lấy mẫu, phân tích, hiệu chỉnh và xử lý dữ liệu chính xác. Các thiết bị phân tích phải bảo đảm theo đúng phương pháp kiểm nghiệm, đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành</li> </ul> <p>2. Người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.</p> <p>3. Có nơi nuôi giữ động vật thí nghiệm; có khu thù cưỡng độc riêng biệt đối với vắc xin, vi sinh vật; đối với việc kiểm nghiệm các loại vắc xin có tác nhân gây bệnh có độc lực cao phải có phòng nuôi động vật bảo đảm an toàn sinh học</p> <p>4. Có hệ thống xử lý chất thải, nước, khí thải; có khu riêng biệt để xử lý động vật thí nghiệm được sử dụng kiểm nghiệm vắc xin, vi sinh vật.</p> <p>5. Có tủ lạnh, tủ lạnh âm sâu giữ giống vi sinh vật để phục vụ việc kiểm nghiệm.”</p> <p><b>2. Điều kiện đối với tổ chức khảo nghiệm thuốc thú y</b></p>	Phù hợp
--	--	---	---------

		<p>1. Người phụ trách kỹ thuật của tổ chức khảo nghiệm phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.</p> <p>2. Người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc thú y.</p> <p>3. Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc không được nhận ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc thú y tại Việt Nam.</p> <p>4. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho việc khảo nghiệm thuốc thú y</p> <p>5. Nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đáp ứng các Điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có hàng rào hoặc tường bao quanh bảo đảm ngăn chặn được người, động vật từ bên ngoài vào cơ sở;</p> <p>b) Có nguồn nước sạch;</p> <p>c) Có chuồng, ao, bể nuôi động vật với diện tích đảm bảo mật độ nuôi theo quy trình khảo nghiệm;</p> <p>d) Có số lượng động vật đáp ứng được việc khảo nghiệm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải có khu vực để xử lý xác động vật, bệnh phẩm</p> <p>d) Nơi sản xuất, chế biến và kho chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hóa chất độc hại và có biện pháp phòng chống côn trùng, động vật gây hại;</p> <p>e) Khu vực chuồng nuôi, ao, bể nuôi có nơi chứa thức ăn cách biệt và được thiết kế đáp ứng yêu cầu bảo quản.</p> <p>2. Có hoặc thuê cơ sở kiểm nghiệm thuốc thú y đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này”.</p>	
		<p><b>Nghị định số 08/2022/ND-CP</b></p> <p>Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p> <p>2. Điều kiện về năng lực quan trắc môi trường đối với tổ</p>	Phù hợp

chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Có quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, trong đó có hoạt động quan trắc môi trường;

b) Có năng lực thực hiện quan trắc môi trường đối với tối thiểu một trong các nền mẫu môi trường bao gồm: nước mặt lục địa; nước thải; nước dưới đất; nước biển; không khí xung quanh; khí thải; đất; trầm tích; bùn; chất thải rắn; nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy. Đối với mỗi nền mẫu môi trường (trừ mẫu khí thải) mà tổ chức đề nghị chứng nhận, tổ chức phải có năng lực thực hiện cả hoạt động quan trắc hiện trường và hoạt động phân tích môi trường. Năng lực phân tích môi trường đối với mỗi nền mẫu (trừ nền mẫu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị) mà tổ chức đề nghị chứng nhận phải bảo đảm điều kiện tối thiểu tại các điểm c, d, đ, e và g khoản này;

c) Đối với năng lực phân tích mẫu nước mặt lục địa hoặc nước thải mà tổ chức đề nghị chứng nhận: tổ chức phải có đủ năng lực phân tích môi trường đối với các thông số cơ bản theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường bao gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng phốt pho (TP), tổng nitơ (TN);

d) Đối với năng lực phân tích mẫu nước dưới đất mà tổ chức đề nghị chứng nhận: tổ chức phải có đủ năng lực phân tích môi trường đối với các thông số cơ bản theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường bao gồm: chỉ số pecmanganat, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Fe;

đ) Đối với năng lực phân tích mẫu nước biển mà tổ chức đề nghị chứng nhận: tổ chức phải có đủ năng lực phân tích

môi trường đối với các thông số cơ bản theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường bao gồm: TSS,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ ;

e) Đối với năng lực phân tích mẫu không khí (không khí xung quanh hoặc khí thải công nghiệp) mà tổ chức đề nghị chúng nhận: tổ chức phải có đủ năng lực phân tích môi trường đối với các thông số cơ bản theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường bao gồm:  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$ , CO, tổng bụi lơ lửng (TSP);

g) Đối với năng lực phân tích mẫu đất hoặc trầm tích hoặc bùn thải từ hệ thống xử lý nước hoặc chất thải rắn mà tổ chức đề nghị chúng nhận: tổ chức phải có đủ năng lực phân tích môi trường đối với các thông số cơ bản theo quy định bao gồm: pH; các kim loại (gồm có: As, Cu, Zn, Pb, Ni, Cd, Cr, Hg) hoặc các hợp chất hữu cơ (hợp chất clo hữu cơ hoặc hợp chất photpho hữu cơ).

3. Điều kiện đối với hoạt động quan trắc hiện trường:

a) Có tối thiểu 02 cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường. Trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động lấy mẫu hiện trường đối với các thông số ô nhiễm dạng hạt PM (dạng hỗn hợp các hạt rắn và các giọt lỏng) hoặc hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) trong khí thải thì phải có tối thiểu 04 cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường; các cán bộ có đủ năng lực thực hiện quan trắc hiện trường đối với các thông số đăng ký;

b) Phải có người trực tiếp phụ trách đội quan trắc tại hiện trường có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về môi trường, hóa học, sinh học, lâm nghiệp, thổ nhưỡng và có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường;

c) Người thực hiện quan trắc tại hiện trường tối thiểu phải có trình độ sơ cấp tương ứng với ngạch quan trắc viên tài

nguyên môi trường hạng IV. Trong đó, số người có trình độ tương ứng ngạch quan trắc viên tài nguyên và môi trường hạng IV chiếm không quá 30% đội ngũ người thực hiện quan trắc tại hiện trường;

d) Các thiết bị phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, bảo đảm độ chính xác theo đúng kỹ thuật quan trắc do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; có quy trình thao tác chuẩn đối với tất cả các thiết bị quan trắc tại hiện trường; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ thực hiện quan trắc tại hiện trường.

#### 4. Điều kiện đối với hoạt động phân tích môi trường:

a) Có tối thiểu 04 cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích môi trường theo các thành phần môi trường và thông số phân tích đề nghị chứng nhận; các cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích môi trường phải có đủ năng lực thực hiện quan trắc hiện trường đối với các thông số đăng ký;

b) Người quản lý phòng thí nghiệm phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học và phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ đại học, 03 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ thạc sỹ, 02 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ tiến sỹ trong lĩnh vực phân tích môi trường;

c) Người phụ trách bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng phòng thí nghiệm phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học và phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích môi trường;

d) Người thực hiện phân tích tại phòng thí nghiệm, trừ người quản lý phòng thí nghiệm và người phụ trách bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng, phải có trình độ trung cấp trở lên, được đào tạo trong lĩnh vực phân tích



môi trường đề nghị chứng nhận;

đ) Thiết bị phân tích môi trường phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, bảo đảm độ chính xác theo kỹ thuật phân tích do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; có quy trình sử dụng, vận hành đối với tất cả các thiết bị; có đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ phân tích môi trường;

e) Có quy trình thao tác chuẩn, báo cáo phương pháp phân tích do tổ chức phê duyệt đối với các thông số môi trường đăng ký;

g) Phòng thí nghiệm phải được tách riêng các khu vực theo yêu cầu gồm có: khu vực bảo quản mẫu và lưu mẫu, khu vực xử lý mẫu và phân tích hóa lý, khu vực phân tích vi sinh, khu vực cân; phải được bảo đảm duy trì tốt điều kiện thí nghiệm (về ánh sáng, nguồn điện, độ ẩm, nhiệt độ, vô trùng, chế độ thông gió) và đủ diện tích để thực hiện hoạt động phân tích theo yêu cầu của phương pháp phân tích;

h) Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy, việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

5. Điều kiện quan trắc môi trường đối với tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

a) Có quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, trong đó có hoạt động quan trắc môi trường;

b) Có đủ năng lực quan trắc, đo đạc các thông số cơ bản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với các thông số cơ bản CO, HC; đối với tổ chức thực hiện quan trắc khí thải ô tô, ngoài thông số CO, HC thì phải có đủ năng lực quan trắc các thông số CO<sub>2</sub>, O<sub>2</sub>, Lamda, độ

		<p>khói, N (%HSU), hệ số hấp thụ ánh sáng của khí thải;</p> <p>c) Người quản lý, phụ trách bảo đảm chất lượng hoạt động quan trắc khí thải phương tiện giao thông của tổ chức phải có trình độ trung cấp trở lên, được tập huấn, đào tạo về một trong các lĩnh vực kỹ thuật ô tô, cơ khí động lực, cơ khí giao thông, môi trường và phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>d) Có tối thiểu 02 người thực hiện hoạt các động quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Người thực hiện quan trắc khí thải phải có trình độ trung học phổ thông trở lên, được tập huấn, đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật ô tô, cơ khí động lực, cơ khí giao thông, môi trường;</p> <p>đ) Các thiết bị phải được kiểm định, hiệu chuẩn, bảo đảm độ chính xác theo đúng kỹ thuật quan trắc theo quy định; có quy trình thao tác chuẩn đối với tất cả các thiết bị quan trắc khí thải giao thông; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ.</p>	
<p>2. Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ (giảm tài liệu phải nộp trong hồ sơ đăng ký) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 và phù hợp với tình hình triển khai thực tế đối với hoạt động</p>	<p><b>Khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định</b></p> <p>6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động kiểm định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <p>- Trường hợp tổ chức kiểm định đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 đối với toàn bộ phạm vi đăng ký kiểm định: tổ chức kiểm định nộp bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 kèm theo phạm vi được chứng nhận.</p>	<p><b>Nghị định số 44/2016/NĐ-CP</b></p> <p><b>Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động</b></p> <p>1. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.</p> <p>b) Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.</p>	<p>Phù hợp</p>

kiểm định	<p>- Trường hợp tổ chức kiểm định đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 nhưng phạm vi đăng ký hoạt động kiểm định rộng hơn phạm vi được chứng nhận: tổ chức kiểm định nộp bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 kèm theo phạm vi được chứng nhận và bản công bố năng lực kiểm định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với kiểm định chuyên ngành đối với phạm vi chưa được chứng nhận theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>- Trường hợp tổ chức kiểm định chưa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: tổ chức kiểm định nộp bản công bố năng lực kiểm định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với kiểm định chuyên ngành theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.</p>	c) Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.	
3. Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ (giảm tài liệu phải nộp trong hồ sơ đăng ký) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 và phù hợp với tình hình triển khai thực tế đối	<p><b>Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định</b></p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <p>- Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi</p>	<p><b>Luật Thương mại quy định:</b></p> <p><b>Điều 257.</b> Điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại</p> <p>Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;</li> <li>2. Có giám định viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 259 của Luật này;</li> <li>3. Có khả năng thực hiện quy trình, phương pháp giám định hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn quốc tế hoặc đã được các nước áp dụng một cách</li> </ol>	Phù hợp

<p>với hoạt động giám định</p>	<p>được công nhận.</p> <p>- Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>- Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.</p>	<p>phổ biến trong giám định hàng hoá, dịch vụ đó.</p> <p><b>Điều 259.</b> Tiêu chuẩn giám định viên</p> <p>1. Giám định viên phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>a) Có trình độ đại học hoặc cao đẳng phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực giám định;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn về lĩnh vực giám định trong trường hợp pháp luật quy định phải có chứng chỉ chuyên môn;</p> <p>c) Có ít nhất ba năm công tác trong lĩnh vực giám định hàng hoá, dịch vụ.</p> <p>2. Căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, giám đốc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định công nhận giám định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</p>	
<p>4. Bổ sung quy định đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam</p>	<p><b>Khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định</b></p> <p>Điều 20a. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam</p> <p>1. Là tổ chức thuộc các quốc gia là thành viên tham gia các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia ký kết.</p> <p>2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được một trong các tổ chức công nhận là thành viên ký thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của tổ chức, diễn đàn công nhận khu vực, quốc tế đánh giá và công nhận về năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.</p> <p>3. Trước khi thực hiện đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thông báo trước 01 tháng</p>	<p><b>I. Hiến pháp năm 2013</b></p> <p><b>Điều 18.</b></p> <p>2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.</p> <p><b>Điều 50.</b></p> <p>Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.</p> <p><b>Điều 51.</b></p>	<p>Phù hợp</p>

	<p>về Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng tại Việt Nam.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 tháng sau khi thực hiện đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thông báo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng tại Việt Nam.</p> <p>5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam không tuân thủ các quy định tại Điều này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.</p> <p><b>II. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa</b></p> <p><b>Điều 6. Chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa</b></p> <p>6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p>	
<p>5. Bổ sung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận</p>	<p><b>Khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định</b></p> <p>12. Bổ sung Điều 20b, 20c, 20d, 20đ về điều kiện, hồ sơ, hình thức nộp hồ sơ, trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận như sau:</p> <p><b>“Điều 20b. Điều kiện kinh doanh dịch vụ xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận</b></p> <p>1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 17029, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan.</p> <p>3. Có ít nhất 04 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời</p>	<p><b>Nghị định số 06/2022/NĐ-CP</b></p> <p><b>Điều 14. Yêu cầu đối với đơn vị thẩm định</b></p> <p>1. Đơn vị thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức có năng lực thẩm định được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận; hoặc được cấp chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 về các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định và kiểm định khí nhà kính sử dụng trong việc công nhận hoặc cấp chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực tương ứng.</p> <p>2. Đơn vị thẩm định thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.</p> <p>3. Các đơn vị có nhu cầu đề nghị theo Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này chứng minh đủ điều kiện thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà</p>	<p>Không phù hợp</p> <p>Đề xuất phương án xử lý:</p> <p>- Hiện nay, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đang được sửa đổi, bổ sung, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có ý kiến đối với Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung Điều này để đảm bảo theo thông lệ quốc tế và thống nhất</p>

	<p>hạn), đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Đối với với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 17029, chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a1) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các lĩnh vực sau: năng lượng, môi trường, hóa học, điện, điện tử viễn thông, tự động hóa và các ngành kỹ thuật hoặc các ngành có liên quan;</p> <p>a2) Hoàn thành khóa đào tạo về chuyên gia kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;</p> <p>a3) Có kinh nghiệm làm việc 02 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) liên quan đến lĩnh vực kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng;</p>	<p>kính quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Tài nguyên và Môi trường để được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.</p>	<p>Nghị định số 107/2016/NĐ-CP</p>
--	---	---	------------------------------------

	<p>a4) Tham gia ít nhất 20 ngày công thực hiện kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng. Đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận mới hoạt động, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá hệ thống quản lý ít nhất 20 ngày công.</p> <p>b) Đối với tổ chức thực hiện kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố về khí nhà kính theo quy định trong tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065, chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện như sau:</p> <p>b1) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các lĩnh vực sau: năng lượng, môi trường, hóa học, điện, điện tử viễn thông, tự động hóa và các ngành kỹ thuật hoặc các ngành có liên quan;</p> <p>b2) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về định lượng và báo cáo lượng phát thải và loại bỏ khí nhà kính theo bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14064 phần 1, 2, 3 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064 phần 1, 2, 3 và định lượng dấu vết carbon sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14067 tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;</p> <p>b3) Có năng lực đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO 14066;</p> <p>b4) Có kinh nghiệm làm việc 02 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) trong lĩnh vực năng lượng, môi trường, hóa học, điện, điện tử viễn thông, tự động hóa và các ngành kỹ thuật khác;</p> <p>b5) Có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công thực hiện kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng hoặc đánh giá ít nhất 20 ngày công hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 50001.</p>	<p><b>Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</b></p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.</p> <p>Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định.</p> <p><b>Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa</b></p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức tiến hành hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.</p>	<p>Không phù hợp</p> <p>Đề xuất phương án xử lý:</p> <p>Hiện nay, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa đang được sửa đổi, bổ sung trong đó bổ sung hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận vào hoạt động đánh giá sự phù hợp</p>
--	---	---	---

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động, phải có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 20c. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận do Bộ Khoa học và Công nghệ giao trách nhiệm thực hiện.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 20b Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia;

d) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 20b Nghị định này, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy



định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản công bố năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Mẫu tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

<p>a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 20b Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 20b Nghị định này, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.</li><li>- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC</li></ul>		
---	--	--

17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản công bố năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029, tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 20d. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 20c Nghị định này và nộp theo một trong các hình thức sau:

1. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 20c Nghị định này chưa được chứng thực thì phải có

bản chính để đối chiếu.

2. Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phải nộp bản sao đã được chứng thực các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 20c Nghị định này.

3. Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến.

**Điều 20d. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận;

b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời

	<p>hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được cấp.</p> <p>3. Trường hợp cấp lại:</p> <p>a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức;</p> <p>b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 20c Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p> <p>d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được cấp.”.</p>		
<p>6. Bổ sung quy định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp theo đề nghị của tổ chức đánh giá sự phù hợp</p>	<p>Khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định</p> <p>13. Bổ sung Điều 26a vào sau Điều 26 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP như sau:</p> <p><b>“Điều 26a. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp trong trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp có nhu cầu dừng hoạt động đánh giá sự phù hợp</b></p> <p>1. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp có nhu cầu dừng hoạt động đánh giá sự phù hợp, lập 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua bưu điện hoặc nộp hồ sơ qua</p>	<p><b>Hiến pháp năm 2023</b></p> <p><b>Điều 33.</b></p> <p>Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.</p> <p><b>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi 2020</b></p> <p>Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của</p>	<p>Phù hợp</p> <p>Phù hợp</p>

	<p>Công thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hồ sơ gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị dừng hoạt động đánh giá sự phù hợp với các thông tin sau: tên tổ chức; địa chỉ liên lạc; thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp; lý do dừng hoạt động đánh giá sự phù hợp và các bằng chứng liên quan (nếu có); cam kết chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về hoạt động đánh giá sự phù hợp trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp;</p> <p>b) Báo cáo hoạt động đánh giá sự phù hợp trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được cấp.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đã cấp cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phân, chương, mục, tiêu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.</p>	
<p>7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được</p>	<p><b>Điều 2 dự thảo Nghị định</b></p> <p>Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ hai sau điểm g khoản 1 Điều 18b như sau:</p> <p>“Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp đồng thời nộp hồ sơ đăng ký hoạt động (theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp) và hồ sơ đăng ký chi định thì tổ chức đánh giá sự phù hợp không phải nộp kèm theo thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, d, e của khoản này.”.</p>	<p><b>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi 2020</b></p> <p>- Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.</p> <p>- Điểm b khoản 3 Điều 12</p> <p>“Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, thay</p>	<p>Phù hợp</p>

<p>sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ</p>		<p>thể, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành”.</p>	
<p>8. Thay thế, bãi bỏ một số điều, cụm từ, biểu mẫu tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016</p>	<p><b>Điều 3 dự thảo Nghị định</b></p> <p>1. Thay thế, bãi bỏ một số điều, cụm từ, biểu mẫu tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành</p> <p>a) Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại khoản 1 và khoản 5 Điều 22; khoản 1 và khoản 3 Điều 23; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 24; điểm đ khoản 2 Điều 28; điểm c khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 29.</p> <p>b) Thay thế cụm từ tại Mẫu số 11, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15, Mẫu số 16 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP như sau:</p> <p>Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Kính gửi” và phần “Đề nghị” trong Mẫu số 11.</p>	<p><b>- Điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi 2020</b></p> <p>“Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành”.</p> <p><b>- Nghị định số 28/2023/NĐ-CP</b></p> <p>Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (được tổ chức lại thành Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban.</p> <p><b>- Điểm b khoản 2 Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/2/2023 của Chính phủ:</b></p> <p>Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do mình chủ trì soạn thảo thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan</p>	<p>Phù hợp</p>

<p>Thay thế cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại phần căn cứ, thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Xét đề nghị” trong Mẫu số 13.</p> <p>Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Kính gửi”, mục 3 và phần “Đề nghị” trong Mẫu số 14.</p> <p>Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” thành cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Kính gửi”, mục 3 và phần “Đề nghị” trong Mẫu số 15.</p> <p>Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” thành cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Kính gửi” và đoạn cuối trong Mẫu số 16.</p> <p>c) Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 03 và Mẫu số 10 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP (đã được thay thế bằng Mẫu số 01, Mẫu số 03 và Mẫu số 10 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) bằng Mẫu số 01, Mẫu số 03 và Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>d) Thay thế Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 09 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP bằng Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 09 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>đ) Bãi bỏ nội dung nộp danh sách thư nghiệm viên trong hồ sơ đăng ký tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.</p> <p>e) Bãi bỏ nội dung nộp danh sách kiểm định viên trong hồ sơ đăng ký tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.</p>	<p>có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản theo lộ trình phù hợp.</p>	
--	--	--



g) Bãi bỏ nội dung nộp danh sách giám định viên trong hồ sơ đăng ký tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

h) Bãi bỏ nội dung nộp danh sách chuyên gia đánh giá trong hồ sơ đăng ký tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 18 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

i) Bãi bỏ Mẫu số 02 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP (đã được thay thế bằng Mẫu số 02 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP).

2. Thay thế, bãi bỏ một số điều, cụm từ, biểu mẫu tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

a) Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại đoạn đầu khoản 2 Điều 19a.

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục TDC” bằng “Ủy ban TDC Quốc gia” tại phần nơi nhận trong Mẫu số 08 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

c) Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại gạch đầu dòng thứ ba và thứ tư phần cam đoan và cam kết trong Mẫu số 12 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (đã được thay thế bằng Mẫu số 12 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP).

d) Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” tại phần “Kính gửi”, đoạn đầu và phần

	<p>“đề nghị” trong Mẫu số 13 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.</p> <p>đ) Thay thế cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” bằng cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia”; thay thế cụm từ “DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY” bằng cụm từ “COMMISSION FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIETNAM”; thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng” bằng cụm từ “Chủ tịch” và thay thế cụm từ “DIRECTOR GENERAL” bằng cụm từ “CHAIRMAN” tại phần cơ quan ban hành văn bản, phần thẩm quyền ký của cơ quan ban hành trong Mẫu số 14 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (đã được thay thế bằng Mẫu số 14 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP).</p>		
--	---	--	--